

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng
Bà Lưu Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 19/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Tuấn T, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 24/12/2018

Bị đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1994 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/12/2018, nguyên đơn là anh Phạm Tuấn T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Bùi Thị S kết hôn với nhau vào ngày 21/8/2014, việc kết hôn là do anh T và chị S tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi cư trú, sinh sống của anh T khi kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách nên thường xuyên xảy ra việc cãi cọ, xung đột với nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải, nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên cuối năm 2015 anh T và chị S đã sống ly thân, chị S về sinh sống với bố mẹ đẻ tại làng M, xã Đ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T và chị S ly hôn. Về con chung, anh T và chị S có 1 con chung tên là Phạm Bùi Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015, từ khi vợ chồng ly thân cháu N do chị S nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do con còn nhỏ và từ khi ly thân cháu ở với chị S, nên anh T yêu cầu giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị S. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 19/12/2018, bị đơn là chị Bùi Thị S thừa nhận lời trình bày của anh T về việc kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng hiện nay là đúng. Nay anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T và chị S ly hôn, chị S đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T; chị S cũng có nguyện vọng ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống. Về con chung, giữa anh T và chị S có một con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con và người trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly thân như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị S đồng ý với yêu cầu của anh T về việc giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chị S tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh T chưa có việc làm, thu nhập không đáng kể. Về tài sản, chị S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phạm Tuấn T vắng mặt và đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh T; bị đơn là chị Bùi Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, việc giao nuôi con khi ly hôn của anh T. Do anh T đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh T, nên chị S yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh quan hệ vợ chồng của mình là hợp pháp, về con chung và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn và việc giao nuôi con chưa thành niên khi ly hôn của nguyên đơn; chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung và việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn anh Phạm Tuấn T, bị đơn chị Bùi Thị S là việc kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện

Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; vì lý do cá nhân, anh T đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh T. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là anh Phạm Tuấn T và bị đơn là Bùi Thị S là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng theo anh T và chị S là do giữa hai người có sự khác biệt nhau về nhận thức, về quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách, khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã quan tâm dàn xếp nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, anh T và chị S đã sống ly thân từ cuối năm 2015, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị S đã thực sự trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, vì lý do cá nhân anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh T, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vắng mặt, chị S vẫn giữ nguyên ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T và chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S và anh T ly hôn. Xét thấy tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử anh Phạm Tuấn T và chị Bùi Thị S ly hôn.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà anh T cung cấp và ý kiến của chị S có đủ cơ sở để xác định cháu Phạm Bùi Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015 là con chung của anh T và chị S. Khi ly hôn, cả anh T và chị S đều đề nghị giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị của anh T và chị S phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, nên chấp nhận giao cháu Phạm Bùi Tuyết N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thấy rằng, sự tự nguyện của chị S không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

[4]. Về tài sản: Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Anh Phạm Tuấn T và chị Bùi Thị S ly hôn.

Về con chung: Giao chị Bùi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Bùi Tuyết N, sinh ngày 19/01/2015, chấp nhận sự tự nguyện của chị S, anh Phạm Tuấn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị S. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Anh Phạm Tuấn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002064 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận anh T đã nộp đủ.

Chị Bùi Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Tuấn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã L, huyện Đ;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Viết Giảng